

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 24/8/2017
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH QUẢNG BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Huân
2. Bà Đậu Thị Phú

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Q.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2017/QĐXX-ST ngày 16 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đàm Trung T, sinh năm 1987. Trú tại: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1992. Trú tại: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/6/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đàm Trung T trình bày: Anh và chị Trần Thị H có quá trình tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Hưng, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 14/02/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến đầu năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Đến khoảng tháng 3 năm 2013 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, sau đó thường xuyên đi làm ăn xa. Anh T đã nhiều lần điện thoại khuyên nhủ chị H trở về đoàn tụ nuôi con nhưng chị H không đồng ý. Hiện nay anh T thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên mong muốn được ly hôn với chị H để sớm ổn định cuộc sống.

Trong bản tự khai ngày 17/8/2017 chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Đàm Trung T có quá trình tìm hiểu và kết hôn như anh T đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hòa thuận, hạnh phúc tại nhà bố mẹ chồng, đến đầu năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không quan tâm đến nhau, không có sự nhường nhịn nên vợ chồng luôn căng thẳng, cãi cọ. Đến tháng 3 năm 2013 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, sau đó đi làm ăn xa. Vì thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên anh T có nguyện vọng ly hôn thì chị cũng nhất trí ly hôn để yên tâm nuôi con.

Về quan hệ con chung: Anh T và chị H thống nhất trình bày quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên là Đàm Anh Q, sinh ngày 02/7/2011.

Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng mong muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Anh T cũng nhất trí giao chị H nuôi con và anh T đóng góp mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị H trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H đã viết bản tự khai trình bày nội dung liên quan đến vụ án, chị không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào. Do điều kiện công việc nên chị H không thể tham gia phiên tòa và đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng mà chị đã trình bày tại bản tự khai. Chị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn có xác nhận của UBND xã Quảng Hưng và chứng thực chữ ký của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tình cảm: Anh T và chị H đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Hưng vào ngày 14/02/2011 vì vậy quan hệ hôn nhân hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T và chị H chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, trong thực tế đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng anh T đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Hiện tại anh T trình bày không còn tình cảm với chị H và một mực tha thiết xin được ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, xét xử cho anh T được ly hôn với chị H.

Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, chị Trần Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị H.

[2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh Đàm Trung T và chị Trần Thị H có một con chung là Đàm Anh Q, sinh ngày 02/7/2011. Xét thấy, hiện nay cháu Q

đang sống chung với chị H và chị H cũng có nguyện vọng mong muốn được nuôi con vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao con chung Đàm Anh Q cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; buộc anh T có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 9/2017 cho đến khi con thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động và có tài sản tự nuôi sống bản thân.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai chị H trình bày và tại phiên tòa anh T thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng anh không có tài sản chung gì, không vay nợ của ai cũng như không cho ai vay nợ của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: anh Đàm Trung T phải nộp tiền án phí ly hôn và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt chị Trần Thị H
2. Về quan hệ tình cảm:
Cho ly hôn giữa anh Đàm Trung T và chị Trần Thị H
3. Về quan hệ con chung
 - 3.1. Giao con chung Đàm Anh Q, sinh ngày 02/7/2011 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.
 - 3.2. Anh T phải có nghĩa vụ đóng góp nuôi con với chị H số tiền là 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng một tháng) cho đến khi cháu Q thành niên (đủ 18 tuổi).
4. Về án phí:
Buộc anh Đàm Trung T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ nhà nước, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q theo biên lai số 0002093 ngày 12/6/2017. Anh T phải nộp thêm 300.000 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

